

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2020/DS-PT

Ngày: 24-12-2020

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Mạnh Hùng

Bà Lê Thị Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2020/TLPT- DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 974/2020/QĐ-PT ngày 17/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 139/2020/QĐ-PT ngày 10/12/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1962; cư trú tại số 185, thôn 1, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Rung K’T, sinh năm: 1993; cư trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2299, quyền số 02 SCT/CK do Văn phòng công chứng P chứng thực ngày 04/12/2020), có mặt.

*Bị đơn:* Vợ chồng ông Bùi Minh Đ, sinh năm: 1963, bà Trần Thị Ánh T (tên gọi khác: Trần Thị Ngọc L), sinh năm: 1962; cư trú tại số 251, thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T (Trần Thị Ngọc L) - Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/12/2019 của Bà Hoàng Thị H, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Ông Hoàng Rung K'T, người đại diện theo ủy quyền của bà H, thì: Vào ngày 15/6/2001 bà H có cho ông Bùi Minh Đ vay 30 chỉ vàng, loại vàng 98%, thỏa thuận lãi là 336.000đ/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, hai bên có viết giấy tay với nhau. Từ năm 2003 đến năm 2006 ông Đ đã trả cho bà H được 07 chỉ, còn nợ lại 23 chỉ. Năm 2006 bà H có cho ông Đ vay số tiền 4.500.000đ, không thỏa thuận tiền lãi, không thỏa thuận thời hạn trả, có viết giấy tay. Bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà H không trả số vàng và tiền đã vay.

Do đó bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, bà T (tên gọi khác: Trần Thị Ngọc L) cùng có nghĩa vụ trả cho bà 23 chỉ vàng loại 98%, quy thành tiền là 92.000.000đ và 4.500.000đ còn thiếu đồng thời chịu lãi trên số tiền nói trên theo mức lãi suất là 1,67% cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/9/2020 người đại diện hợp pháp của bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số vàng còn nợ là 23 chỉ loại 98%, quy thành tiền là 94.300.000đ (giá vàng: 4.100.000đ/chỉ).

- Bà Trần Thị Ánh T (tên khác: Trần Thị Ngọc L) thừa nhận bà H có vay 30 chỉ vàng, tiền lãi thỏa thuận 336.000đ/tháng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bà H đã trả vàng và tiền lãi cho bà H xong tuy nhiên bà không xác định được chính xác thời gian, ngày tháng năm đã trả tiền và vàng, việc trả vàng, tiền cho bà H cũng không lập giấy tờ gì.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà cùng có nghĩa vụ trả cho bà 23 chỉ vàng theo giá 4.100.000đ/chỉ, thành tiền là 94.300.000đ thì bà không đồng ý, vì bà H đã trả cho bà H toàn bộ số tiền và vàng đã vay.

Tại Bản án số 35/2020/DS-ST ngày 24/9/2020; Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Hoàng Thị H. Buộc vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T (tên khác: Trần Thị Ngọc L) cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Hoàng Thị H số vàng 23 chỉ vàng, theo giá 4.100.000đ/chỉ, thành tiền là 94.300.000đ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T phải trả cho Bà Hoàng Thị H số tiền 4.500.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/10/2020 vợ chồng bà H, bà T có đơn kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa,*

Vợ chồng bà H, bà L (Tuyệt) vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ông Hoàng Rung K'T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị quy giá vàng là 5.500.000đ/chỉ để buộc bị đơn phải thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xuất phát từ việc giữa Bà Hoàng Thị H và vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T(tên khác: Trần Thị Ngọc L) xác lập Hợp đồng Dân sự vay tài sản; quá trình thực hiện hợp đồng bà H cho rằng bị đơn còn nợ 23 chỉ nên nay yêu cầu vợ chồng bà H, bà T phải trả lại số vàng còn nợ. Vợ chồng bà H, bà T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng đã trả toàn bộ số vàng đã vay nói trên nên các bên phát sinh tranh chấp. Do vậy cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

[2.1] Tại “Giấy mượn vàng” ngày 15/6/2001 giữa bà H và bà H (BL 34) thể hiện nội dung “*Tôi tên là Bùi Minh Đ, sinh năm 1962, hiện trú quán tại thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Nay tôi làm giấy này mượn của chị Hoàng Thị Hường 30 chỉ vàng, trả lãi hàng tháng với giá tiền là 336.000đ (ba trăm ba mươi sáu nghìn), giao vàng ngày 15/6/2001, nay tôi làm giấy này để làm bằng chứng*”. Tại phiên tòa hôm nay bà T cho rằng bà H không ký vào giấy vay vừa nêu nhưng vẫn thừa nhận bà H có vay 30 chỉ vàng như nguyên đơn trình bày nên việc bà H vay của bà H 30 chỉ vàng là có xảy ra trong thực tế.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà H, bà T (bà L) cho rằng đã trả toàn bộ 30 chỉ vàng và tiền lãi như thỏa thuận nhưng lại không xuất trình được chứng cứ chứng minh, bà H không thừa nhận nên nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ đối với số vàng còn thiếu và quy thành tiền là 94.300.000đ là có căn cứ.

[3] Bà T cho rằng bà H vay vàng nhưng không đưa vào sử dụng trong gia đình nên không đồng ý cùng trả nợ với bà H. Tuy nhiên vợ chồng bà H, bà T (bà L) kết hôn với nhau từ năm 1986, tại thời điểm bà H vay vàng của bà H thì giữa bà H, bà T (bà L) vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện*”. Như vậy mặc dù “Giấy mượn vàng” chỉ một mình bà H ký tên, tuy nhiên bà H, bà T (bà L) không chứng minh được việc bà H vay vàng là sử dụng vào mục đích riêng của bà H. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà H, bà T (Lan) cùng có trách nhiệm trả cho bà H số vàng còn nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của bà H đề nghị tính lại giá vàng là 5.500.000đ/chỉ để buộc bị đơn phải thanh toán, xét yêu cầu này là không phù hợp bởi lẽ quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng giá vàng là 4.100.000đ/chỉ, sau khi xét xử sơ thẩm cũng không có đơn kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày vừa nêu.

[5] Ngoài ra, so với nội dung đơn khởi kiện ban đầu thì tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số vàng còn nợ là 23 chỉ loại 98%, quy thành tiền là 94.300.000đ, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.500.000đ và lãi suất; lẽ ra cấp sơ thẩm phải đình chỉ việc giải quyết đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Bản án sơ thẩm chỉ thể hiện đình chỉ đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 4.500.000đ, không đình chỉ đối với số tiền lãi 16.867.000đ theo yêu cầu ban đầu là vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên vi phạm này không lớn, không cần phải hủy án sơ thẩm vì khi hủy để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[6] Với những nhận định trên; kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà H là 4.715.000đ (94.300.000đ x 5%).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên vợ chồng bà H, bà T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 467, 471 Bộ luật Dân sự năm 1995;
- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T (Trần Thị Ngọc L), giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị H về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T (tên khác: Trần Thị Ngọc L).

2. Buộc vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T (tên khác: Trần Thị Ngọc L) có trách nhiệm trả cho Bà Hoàng Thị H số tiền 94.300.000đ (chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị H về việc yêu cầu vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T (bà Trần Thị Ngọc L) phải trả số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T (Trần Thị Ngọc L) phải chịu 4.715.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà H được nhận lại 2.834.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014553 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Buộc vợ chồng ông Bùi Minh Đ, bà Trần Thị Ánh T (Trần Thị Ngọc L) phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001562 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng bà H, bà T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện D, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện D, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Huỳnh Châu Thạch**